

Số: 55 /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 60/2024/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 67/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu

quốc gia về tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 48/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác phần mềm quản lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 526/TTr-STC ngày 06 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 65/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.KT, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, nsnhai.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trung Hồ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập
dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin
lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /2026/QĐ-UBND)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu quốc gia) và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Thông tư số 67/2018/TT-BTC hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và khoản 5 Điều 12 Thông tư số 48/2023/TT-BTC hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm quản lý tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, thống nhất; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của số liệu tài sản công của toàn tỉnh, từng cấp, từng ngành và từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Việc khai thác, sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia phải bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân theo các quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 4. Phối hợp trong việc lập báo cáo, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập báo cáo, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia đối với các loại tài sản sau đây:

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp); xe ô tô; tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng;

d) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước;

đ) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Việc lập báo cáo, kê khai, cập nhật thông tin tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành có liên quan; trong đó:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 và khoản 8 Điều 112 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng, bao gồm: Điều 24 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Điều 29 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP; Điều 34 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP quy định việc phát triển và quản lý chợ; Điều 26 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP; Điều 27 Nghị định số

84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP; Điều 29 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

c) Đối với tài sản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, thực hiện theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

3. Sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và xác nhận số liệu báo cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp phát hiện báo cáo, dữ liệu kê khai không đúng, không đầy đủ thông tin hoặc có sai lệch dữ liệu thì yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện giải trình, cập nhật, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ trước khi xác nhận số liệu.

4. Sở Tài chính thực hiện duyệt dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia đối với các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 48/2023/TT-BTC. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác hoặc cơ quan có thẩm quyền giao thẩm quyền duyệt dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thẩm quyền thực hiện việc duyệt dữ liệu theo quy định.

Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 48/2023/TT-BTC, sau khi cán bộ sử dụng cập nhật dữ liệu vào phần mềm quản lý tài sản công thành công thì thông tin về tài sản được xác lập là dữ liệu chính thức và không phải thực hiện duyệt dữ liệu.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ lập, thẩm định dự toán liên quan đến tài sản công

1. Việc lập, thẩm định dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản công thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình lập dự toán có trách nhiệm:

a) Thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật;

b) Khai thác, sử dụng thông tin tài sản công từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để phục vụ việc lập dự toán, tổng hợp và đối chiếu số liệu;

c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và các thông tin có liên quan đến tài sản công theo yêu cầu của cơ quan tài chính, cơ quan có thẩm quyền

thẩm định dự toán;

d) Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, rà soát hồ sơ dự toán; khai thác, đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công với hồ sơ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp nhằm bảo đảm dự toán phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật.

4. Trường hợp thông tin, dữ liệu về tài sản công chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc có chênh lệch giữa dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và hồ sơ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp thì cơ quan tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự toán yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công rà soát, bổ sung, cập nhật hoặc giải trình theo quy định.

Điều 6. Phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, sửa chữa tài sản công

1. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm đăng ký, kê khai, cập nhật thông tin tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia để theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập báo cáo theo mẫu quy định gửi sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính và cơ quan quản lý chuyên ngành để thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

2. Trường hợp tài sản đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì nguyên giá tài sản trong báo cáo kê khai tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Giá trị thẩm tra quyết toán;

b) Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán;

c) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A-B);

d) Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất;

đ) Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

3. Sau khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, trường hợp có chênh lệch giữa số liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia với giá trị quyết toán được duyệt thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính và cơ quan quản lý chuyên ngành để thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, sửa chữa cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản để theo dõi, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Phối hợp cung cấp thông tin trong công tác xử lý tài sản công

1. Khi có tài sản công đề nghị xử lý (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật), cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công lập văn bản đề nghị xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) rà soát, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh An Giang xem xét, quyết định.

2. Sau khi có quyết định xử lý tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 8. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ, dữ liệu về tài sản công in trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý

của tỉnh An Giang;

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác đăng ký, kê khai, cập nhật, rà soát và quản lý dữ liệu tài sản công trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện rà soát, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu tài sản công trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật và thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương (cơ quan quản lý chuyên ngành đối với tài sản kết cấu hạ tầng)

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trong việc xây dựng, quản lý, hoàn thiện và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý;

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác đăng ký, kê khai, cập nhật, rà soát dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện đăng ký, kê khai, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu tài sản công trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

b) Thực hiện kiểm tra, rà soát, xác nhận dữ liệu hoặc phê duyệt dữ liệu tài sản công do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo phân cấp, phân quyền và quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý đã được xác nhận hoặc phê duyệt trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật;

d) Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo phạm vi phân quyền và bảo đảm việc sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật;

đ) Quản lý, sử dụng và bảo đảm an toàn, bảo mật đối với tài khoản được cấp để truy cập, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công

a) Thực hiện đăng ký, kê khai, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài sản công được giao quản lý, sử dụng đầy đủ, chính xác, kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý;

b) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, dữ liệu về tài sản công do đơn vị mình kê khai, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật;

c) Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo đúng phạm vi phân quyền, đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật;

d) Quản lý, sử dụng và bảo đảm an toàn, bảo mật đối với tài khoản được cấp để truy cập, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.